

Bức tranh nghèo khổ trên thế giới

CHRISTIAN MORRISSON

Trong phần đầu bài viết, tác giả phân tích sự nhầm lẫn trong sử dụng thuật ngữ nghèo “tương đối” (thuật ngữ dùng ở các nước phát triển) và nghèo “tuyệt đối” (thuật ngữ được áp dụng cho các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và các nước đang phát triển). Khái niệm nghèo tuyệt đối chỉ tình trạng không có khả năng thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở và khám chữa bệnh. Trong khi đó, tình trạng nghèo tương đối lại là một chỉ số về tình trạng bất bình đẳng: một người sẽ bị coi là nghèo khi người đó không có được những vật dụng mà đại đa số các thành viên khác của cộng đồng có. Như vậy, ở một nước giàu, khi một người nào đó không mua được cả ô tô lẫn máy thu hình thì sẽ bị coi là bị thua thiệt, thế nhưng những vật dụng này lại không phải là thiết yếu để bảo đảm sự sống, và theo định nghĩa nghèo tuyệt đối thì con người đó không hề nghèo.

Để tránh tình trạng lẫn lộn này, theo tác giả, nên dùng khái niệm thua thiệt thay cho khái niệm nghèo tương đối và dùng khái niệm đói nghèo thay cho khái niệm nghèo tuyệt đối ở một nước giàu. Khi một cá nhân không có nhiều tài sản có giá trị như 80% hoặc 90% hộ gia đình khác, thì anh ta sẽ cảm thấy bị thua thiệt. Nhưng cá nhân này không hề “nghèo”, vì chỉ cần 15% của mức thu nhập trung bình ở nơi đó đã đủ để chi cho những nhu cầu thiết yếu của con người. Ngược lại, một người lang thang cơ nhỡ hoặc một gia đình có con suy dinh dưỡng thì sẽ thuộc diện nghèo.

1. **Bức tranh về sự nghèo khổ trên thế giới**

Ở các nước đang phát triển

Tác giả ra dẫn *Bản báo cáo về tình hình phát triển trên thế giới* do Ngân hàng Thế giới thực hiện năm 2000 đã được dành để nói về tình trạng đói nghèo và khẳng định Bản báo cáo này đã cung cấp những số liệu thống kê cơ bản về tình trạng đói nghèo tuyệt đối “cùng cực”, với ngưỡng là 1 USD/ngày.

Qua phân tích các bảng về tỷ lệ nghèo trên thế giới từ năm 1987 đến năm 1998, tác giả kết luận, với tổng số 1,2 tỷ người, số lượng người nghèo loại này của năm 1998 bằng số lượng của năm 1987, và tập trung chủ yếu (90%) ở 3 khu vực: Nam Á (Tiểu lục địa Ấn Độ) với hơn 500 triệu người, Đông Á (280 triệu) và châu Phi cận Sahara (290 triệu). Số người nghèo giảm đi rõ rệt ở Trung Quốc (từ 303 triệu xuống còn 213 triệu) đã chẳng có mấy ý nghĩa khi số người nghèo lại tăng lên một cách tệ hại ở châu Phi (hơn 73 triệu, tương đương 34%) trong thời gian 11 năm. Tỷ lệ người “quá nghèo” ở Nam Á (40%) và châu Phi (45%) cao hơn ở Đông Á (15%). Nếu

Trung Quốc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao ở thập kỷ tới thì tỷ lệ nghèo sẽ còn giảm đi nhanh chóng ở khu vực Đông Á. Và như vậy thì sự bần cùng sẽ tập trung ở hai khu vực là châu Phi và Nam Á, một nửa dân số sẽ rơi vào tình trạng này.

Để hiểu ý nghĩa của ngưỡng 1 USD/ngày, theo tác giả, cần đối chiếu những đánh giá về tỷ lệ người nghèo theo ngưỡng quốc gia với các ngưỡng 1 USD hoặc 2 USD (dựa vào quan niệm của Ngân hàng Thế giới). Ở nhiều nước, tỷ lệ người sống ở ngưỡng 2 USD gần với tỷ lệ người sống ở ngưỡng nghèo quốc gia. Nói cách khác, theo đánh giá của các cơ quan thống kê quốc gia thì với ngưỡng 1 USD, những hộ “quá nghèo” có nguồn thu nhập chưa bằng một nửa nguồn thu cần thiết để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất.

Việc kết hợp những đánh giá này với những số liệu về dân số của năm 1999 sẽ cho ra kết quả khoảng 2,9 tỷ người nghèo (ở ngưỡng 2 USD), chiếm 45% dân số thế giới, trong đó 920 triệu sống ở Đông Á (tức một nửa số dân), 1,13 tỷ ở Nam Á và 540 triệu ở châu Phi (chiếm 85% số dân).

Ở các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi

Việc số lượng người “quá nghèo” đột ngột tăng từ 1 triệu lên đến 24 triệu trong khoảng thời gian từ 1987 đến 1998 tại các nước thuộc Liên Xô cũ, Bungari và Rumani được tác giả coi là một hiện tượng có một không hai. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở khu vực này bị tan rã, thu nhập tính theo đầu người bị giảm, nạn lạm phát gia tăng, nạn thất nghiệp xuất hiện, tình trạng bất bình đẳng nảy sinh, các dịch vụ công kém đi, các yếu tố đó đã đẩy một bộ phận không nhỏ dân chúng của những nước này vào tình cảnh đói nghèo, thậm chí bần hàn cùng quẫn.

Tại Đông Âu, Bungari và Rumani là hai nước có tình trạng nghèo khổ gia tăng mạnh nhất. Tác giả dẫn ra một cuộc điều tra đánh giá tình trạng đói nghèo trên cơ sở ngưỡng nghèo tuyệt đối ở các hộ gia đình vào năm 1994, theo phương pháp thông thường, trong đó khẳng định, với ngưỡng chi tiêu 3,3 USD/ngày, tỷ lệ người nghèo là 21,5%. Mức gia tăng trung bình của tình trạng đói nghèo là 20%, cao gấp đôi so với Ba Lan, nhưng vẫn thấp hơn Nga (43%). Còn ở Bungari, hai cuộc điều tra về ngân sách được thực hiện vào các năm 1995 và 1997 đã cho thấy nếu tính theo tiêu chí nghèo tuyệt đối thì tỷ lệ người nghèo tăng rất nhanh. Do tình trạng bất bình đẳng tăng lên trong khi thu nhập tính theo đầu người lại giảm xuống (-16% trong vòng 2 năm), nên diện nghèo tuyệt đối đã tăng lên do các yếu tố khác như giá trị thực của lương hưu giảm mạnh, nạn thất nghiệp gia tăng,...

Ở các nước phát triển

Cũng theo tác giả, tại các nước Tây Âu không còn người nghèo tuyệt đối là chuyện hoang tưởng. Việc có hàng trăm nghìn người sống trong hoàn cảnh nghèo tuyệt đối ở một nước giàu rõ ràng là một vấn đề nhân đạo nghiêm trọng (tình trạng này quả là khó chấp nhận vì nó quá chênh lệch với mức sống của bộ phận dân số còn

lại) và khó khắc phục vì đây thường là những người sống tách biệt với xã hội. Nhưng đây không phải là vấn đề tài chính: bảo đảm mức 8 đến 10 USD/ngày (tức là cao hơn mọi ngưỡng nghèo tuyệt đối) cho 1 hoặc 2% dân số không phải là một khoản chi lớn so với tổng chi ngân sách ở các nước phát triển.

Trái lại, cũng chính những nước này lại có rất nhiều người bị rơi vào cảnh thiệt thòi do tình trạng bất bình đẳng trong thu nhập gây ra. Những thống kê về phân phối thu nhập cho biết tỷ lệ người có thu nhập thấp cao hơn một nửa mức thu nhập trung bình. Trong thời gian 1990-1995, ở Đức, Canada, Mỹ và Anh, tỷ lệ này dao động trong khoảng 20% đến 36% khi tính theo thu nhập trước thuế và trợ cấp. Nhưng ở các nước phát triển, bất kể xu hướng chính trị của chính phủ là thế nào thì Nhà nước vẫn có những khoản trợ cấp dành cho các hộ gia đình có thu nhập thấp. Như vậy là căn cứ xác đáng để tính số người bị thua thiệt (hoặc nghèo tương đối) là thu nhập sau thuế và trợ cấp. Với cách tính này thì tỷ lệ thay đổi từ 5% đến 20% ở 4 nước trên đây cũng như ở các nước phát triển khác. Do vậy, giải pháp phân phối lại của Nhà nước có tác động tích cực đến tỷ lệ người bị thua thiệt sống ít nhiều bên lề xã hội.

2. Các nguyên nhân gây ra đói nghèo

Ở các nước đang phát triển

Nét đặc trưng của các nước đang phát triển là có tỷ lệ người nghèo khá cao. Người nghèo là những người không có vốn theo mọi nghĩa của thuật ngữ này: vốn thể lực liên quan đến sức khỏe; vốn nhân lực liên quan đến năng lực chuyên môn và lượng kiến thức có được; vốn đất đai; vốn vật lực (trang thiết bị, máy móc, công cụ); vốn tài chính; vốn xã hội, tức là hệ thống các quan hệ xã hội và nghĩa vụ qua lại trong cộng đồng nơi sinh sống, chính điều này khiến cho người ta có tác động đến cộng đồng hoặc được giúp đỡ khi gặp khó khăn; vốn về hạ tầng cơ sở tập thể (đường bộ, đường sắt, bệnh viện, v.v...) có thể được sử dụng.

Cảnh đói nghèo này còn nặng nề hơn do các nguyên nhân về thể chế và sự bấp bênh về thu nhập. Tác giả khẳng định, thu nhập của người lao động phụ thuộc ở điều kiện luật pháp và xã hội. Những phụ nữ thuộc các đẳng cấp thấp kém nhất trong xã hội thường bị phân biệt đối xử ở thị trường lao động và không được làm một số công việc.

Mặt khác, thu nhập của những người làm công trong nông nghiệp phụ thuộc vào tình hình thời tiết, biến động của thị trường hoặc nhiều yếu tố khác, do vậy thu nhập của họ có thể thay đổi theo từng tuần. Sự bất ổn định như vậy đối với những người không có điều kiện vay vốn, trừ khi chấp nhận vay với lãi suất cắt cổ, là một nguyên nhân khác nữa dẫn đến tình trạng nghèo khổ.

Nghèo khổ khiến người ta dễ bị tổn thương, và đây cũng chính là một nguyên nhân dẫn đến nghèo thêm. Trước tiên là người nghèo thường chỉ có thể làm việc

trong nông nghiệp hoặc làm nghề tự do ở khu vực phi chính thức vì khu vực chính thức thường chỉ tuyển dụng những người có bằng cấp hoặc những người đã từng được đào tạo. Trong khi đó thu nhập từ nông nghiệp lại luôn biến động và công việc ở khu vực phi chính thức thì luôn bấp bênh. Họ thường xuyên phải hứng chịu rủi ro, và do họ thiếu các kiểu vốn nên họ càng không có khả năng đối phó với những rủi ro gặp phải. Những yếu tố này giải thích khó khăn to lớn của cuộc chiến chống lại đói nghèo ở các nước đang phát triển. Hơn nữa, ở một số nước, toàn bộ dân chúng đều gặp khó khăn do điều kiện địa lý không thuận lợi chẳng hạn như thiếu đất màu, khí hậu khắc nghiệt, hoặc bị bao vây kinh tế. Chính vì tất cả những yếu tố này mà thu nhập trung bình ở những nước này thấp một cách rõ rệt và hậu quả tất yếu là tỷ lệ nghèo ở đây cao.

Tình trạng nghèo khổ ở những nước thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ

Vào những năm 1980, tỷ lệ dân nghèo ở những nước này tương đối thấp. Chính cú sốc khi chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường là nguyên nhân của sự tăng đột biến tình trạng đói nghèo. Tuy nhiên những người nghèo ở những nước này không hoàn toàn không có vốn. Họ có trình độ học vấn tương đối đồng đều và được hưởng các dịch vụ hạ tầng cơ sở, các trang thiết bị công nghiệp, v.v... Và mọi người đều nhận thấy rằng khi thu nhập tính theo đầu người đạt mức trước đây thì diện nghèo sẽ giảm đi nhanh chóng.

Tại nước Nga, đồng lương thực tế đã giảm đi một nửa trong khoảng thời gian từ 1991 đến 1994. Thậm chí đồng lương không còn là chỉ số xác đáng để đánh giá mức sống vì nhiều doanh nghiệp phải trả lương chậm để giảm chi phí. Chẳng hạn như cuối năm 1993, 37% các doanh nghiệp đã chậm trả lương và sang đến năm 1994 thì khoản lương nợ này đã tăng gấp 3,5 lần. Hơn nữa, một bộ phận công nhân đã bị buộc phải làm việc bán thời gian. Đó là tình cảnh của một nửa số nhân công làm việc trong các lĩnh vực dệt may, máy kéo, vật tư nông nghiệp, thiết bị điện tử. Ngoài ra, trong khi dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mọi người lao động đều được bảo đảm có đủ công ăn việc làm thì nay nạn thất nghiệp lại khiến cho nhiều người rơi vào tình trạng đói nghèo: năm 1993, hai phần ba chủ hộ gia đình bị lâm vào tình trạng thất nghiệp và mức sống của gia đình họ bị xếp vào dưới ngưỡng nghèo. Sang năm 1994, con số này còn tiếp tục tăng với 3 triệu người thất nghiệp. Và cuối cùng thì phải kể đến lương hưu không được điều chỉnh theo tình hình lạm phát: năm 1996, giá trị thực tế của lương hưu chỉ còn bằng một nửa của năm 1991.

Sự sụp đổ của Liên Xô và những cuộc xung đột ở nhiều nước cộng hòa đã khiến khoảng 3 triệu người quay trở lại Nga (số liệu ước tính của năm 1994). Một bộ phận trong số những người này quay trở lại là để tìm kiếm cơ may về việc làm, nhưng đa phần là để trốn chạy sự bất ổn và đã mất mát tài sản. Những người này đã gặp phải những khó khăn khủng khiếp nhất trong việc tìm chỗ ở, đặc biệt là trong những thành phố lớn, và vì thế mà đôi khi họ đã phải chiếm nhà trái phép trong khi

đó thì một bộ phận khác rơi vào cảnh màn trời chiếu đất hoặc phải đi hành khất.

Tình cảnh nghèo khổ - thua thiệt ở những nước phát triển

Ở các nước phát triển, có từ 5 đến 20% dân chúng thuộc diện thua thiệt. Những người này hoàn toàn có thể đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu của mình, phần nào nhờ cứu trợ xã hội, nhưng họ thua thiệt vì họ không được hưởng nhiều thứ của cải và dịch vụ. Có ba nguyên nhân của sự thua thiệt này.

Trước tiên là những sang chấn về thể lực và tâm lý tác động tới một số người lớn hoặc sự tích tụ của nhiều yếu tố tiêu cực (lâu ngày không làm việc, trình độ giảm sút, suy nhược tinh thần, v.v...) khiến cho một số người bị thất nghiệp lâu ngày không còn khả năng làm việc cho dù sự phát triển của đất nước có đạt đến trình độ nào đi chăng nữa. Những yếu tố kiểu này tác động đến một bộ phận nhỏ của dân chúng, khoảng 1% những người bị tàn phế và từ 1% đến 2% những người thất nghiệp dài hạn.

Tiếp theo là nạn thất nghiệp “bình thường”, với nghĩa là những người vẫn có thể làm việc được hoặc có thể trở lại làm việc sau khi được đào tạo. Diện thất nghiệp này thường xuyên thay đổi vì nó phụ thuộc nhiều ở hoàn cảnh kinh tế. Với giả thiết là mọi điều kiện khác đều hoàn toàn như nhau thì con số thất nghiệp này sẽ cao nếu thị trường lao động không uyển chuyển và sẽ thấp nếu thị trường uyển chuyển. Tuy nhiên sự uyển chuyển đó cũng khiến cho một số ít những người lao động (5%) có đồng lương thấp đến mức mà dù có việc làm thì họ vẫn là những người thua thiệt.

Cuối cùng là những lý do khiến một số người thường xuyên phải chịu thua thiệt ngay cả khi tình hình kinh tế đã cho phép giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống đến mức thấp nhất. Đó là những phụ nữ sống một mình và nuôi một hoặc nhiều con (thuật ngữ chính thức gọi là “gia đình đơn thân” luôn phù hợp với trường hợp này), những thanh niên không có bằng cấp, những người có nguồn gốc từ những nước đang phát triển.

3. Các chính sách xóa đói giảm nghèo

Ở các nước đang phát triển

Để thành công thì yêu cầu đầu tiên, theo tác giả, là phải đồng thời áp dụng nhiều biện pháp vì những biện pháp đó có tác dụng bổ trợ lẫn nhau. Vậy để xóa đói giảm nghèo cần tạo điều kiện để người nghèo có được vốn nhân lực và sức khỏe; ở nông thôn đó là vốn về đất canh tác, công cụ hoặc máy móc nông nghiệp; ở thành thị thì đó là một khoản tiền tối thiểu để mở doanh nghiệp nhỏ. Mặt khác, Nhà nước phải tạo điều kiện để người nghèo có thể sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng, một khung thể chế có tác dụng bảo vệ người nghèo thay vì phân biệt đối xử, sự cứu trợ trong những trường hợp khủng hoảng, dịch bệnh, hạn hán, v.v...

Giáo dục tiểu học và sức khỏe là hai điều kiện tiên quyết để xóa đói giảm

nghèo. Không được giáo dục thì nông dân cũng như những người làm việc trong lĩnh vực không chính thức sẽ có năng suất lao động thấp và cũng sẽ rất khó khăn để kiếm được việc làm ở khu chính thức. Nếu các thiếu nữ không được giáo dục thì khó có thể phổ biến được các kỹ thuật tránh thai, trong khi phần đông dân số ở nhiều nước kém phát triển lại không biết chữ (tỷ lệ này ở phụ nữ cao hơn ở nam giới). Để có thể tạo điều kiện để mọi trẻ em đều được đi học cho đến 14 tuổi thì vừa phải tăng ngân sách Nhà nước dành cho giáo dục vừa phải cơ cấu lại khoản ngân sách này theo cách giảm phần chi cho đào tạo đại học vì loại hình đào tạo này chỉ phục vụ cho tầng lớp trung lưu và khá giả.

Mặt khác, cần động viên người nghèo cho con cái họ, đặc biệt là các bé gái, đến trường bằng cách hỗ trợ cho họ về tài chính hoặc lương thực. Về mặt y tế, cần có một hệ thống trạm xá ở các làng để cấp thuốc miễn phí.

Đối với người nghèo ở khu vực nông thôn, vấn đề nóng bỏng là có đất canh tác. Một khi đã mù chữ lại không có ruộng thì người nông dân không tài nào thoát khỏi cảnh bần hàn. Thắng lợi của những cuộc cải cách ruộng đất ở Hàn Quốc và Đài Loan từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đã làm giảm hẳn tình trạng nghèo khổ ở khu vực nông thôn. Ở Brazil, Ngân hàng Thế giới đã hỗ trợ nước này thực hiện thành công việc cấp 200.000 hecta đất cho 5.000 hộ gia đình của một bang nằm ở vùng đông-bắc, và điều này có được là nhờ những khoản đầu tư bổ sung cho cơ sở hạ tầng. Sản lượng và năng suất đã tăng lên gấp rưỡi và thu nhập của những gia đình này đã tăng gấp đôi, thậm chí gấp ba. Nhưng những cuộc cải cách này tốn kém: nó có thể thất bại nếu như không được bổ sung bằng những khoản đầu tư và cơ sở hạ tầng hay những khoản trợ cấp.

Đối với nông dân cũng như đối với những người làm việc tự do ở những khu vực không chính thức, được vay vốn là một yếu tố có tính quyết định cho phép họ có thể mua sắm công cụ sản xuất vì người nghèo không thể có đủ tiền tiết kiệm để làm việc này.

Tất cả những biện pháp này đều có nguy cơ bị thất bại nếu như Nhà nước không đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở nông thôn và ở những khu dân nghèo ở thành thị. Người nông dân không thể bán sản phẩm của mình với giá thỏa đáng nếu làng của họ không được nối với đường cái; một trạm y tế không thể hoạt động nếu như không có điện và nước sạch. Vì không ai có thể có đủ điều kiện để vay vốn ở những khu vực nông thôn và ở những khu nghèo của thành thị nên chỉ có thể là Nhà nước đứng ra xây dựng các cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường, điện, điện thoại, nước sạch, v.v...) rồi cho sử dụng các dịch vụ này một cách miễn phí hoặc với sự trợ giá.

Thứ hai là Nhà nước phải cải cách khung thể chế thông qua việc xóa bỏ những cách làm mang tính phân biệt đối xử đối với người nghèo, đặc biệt là đối với phụ nữ, bằng cách buộc các công chức phải có trách nhiệm phục vụ toàn dân, bằng

cách xóa bỏ tham nhũng, đơn giản hoá luật pháp và các thủ tục tố tụng để người nghèo không còn bị thiệt thòi do thiếu hiểu biết, do không có những mối quan hệ cần thiết hoặc do thiếu tiền để bảo vệ cho quyền lợi của mình. Cuối cùng, Nhà nước cần xây dựng một hệ thống bảo hiểm để có thể giảm bớt khả năng dễ bị tổn thương của những người nghèo. Vì những người này không thể tự mua bảo hiểm để phòng ngừa rủi ro, một hệ thống bảo hiểm như vậy sẽ kịp thời mang lại cho họ những sự cứu trợ cần thiết trong những trường hợp rủi ro xảy ra.

Tình hình thực tế này không thể khiến người ta nghĩ rằng nghèo khổ là định mệnh của các nước đang phát triển. Ở mọi vùng của thế giới đều có những thí dụ về những nước mà vào hồi giữa thế kỷ XX, đa số dân sống trong nghèo khổ, còn nay thì tỷ lệ này đã giảm xuống chỉ còn là 20 hay 10%, thậm chí còn thấp hơn. Đó là trường hợp của Hàn Quốc, Malaysia, Costa Rica, Chile, Tuynidi, Đảo Moriser. Tỷ lệ nghèo giảm đi một cách đặc biệt ở những tỉnh duyên hải của Trung Quốc trong thời gian 20 năm qua chúng ta chứng tỏ rằng ngay cả khi không hội tụ được đủ mọi điều kiện thì hàng trăm triệu người vẫn có thể thoát khỏi nghèo khổ.

Ở những nền kinh tế đang chuyển đổi

Những chính sách xóa đói giảm nghèo ở những nền kinh tế đang chuyển đổi lại nằm trong một bối cảnh khác, vì rất nhiều người nghèo nhưng lại có vốn nhân lực và 15 năm trước đây họ không hề nghèo. Chính vì vậy mà biện pháp đầu tiên để xóa đói giảm nghèo ở những nước này không phải là giúp đỡ người nghèo mà là đẩy mạnh tăng trưởng để thu nhập tính theo đầu người sớm trở lại được mức của cuối những năm 1980. Và lại, những nước Đông Âu đã đạt những kết quả này không phải đối phó với những vấn đề nghiêm trọng của đói nghèo.

Tác giả đặt câu hỏi, liệu ở những nước cần có những biện pháp cứu trợ khẩn cấp thì có một chính sách xóa đói giảm nghèo có hiệu quả không? Câu trả lời là có. Những sự trợ giúp cho các gia đình trong những năm 1993-1995 đã có tác dụng tái phân phối rõ rệt ở các nước Đông Âu: những khoản trợ giúp mà 40% những người nghèo nhất đã nhận được vượt quá 40% thu nhập của họ. Những khoản hỗ trợ cho người thất nghiệp có tác dụng tái phân phối ở Đông Âu, tác dụng này thật lười (người nghèo nhận được ít hơn là phần của họ trong dân số nói chung). Cuối cùng, đối với những hình thức cứu trợ xã hội truyền thống, người ta cũng nhận thấy những sự khác biệt tương tự giữa Đông Âu và Nga. Nếu cộng tất cả những khoản trợ cấp này lại (trừ lương hưu), thì tác dụng tái phân phối ở Đông Âu vào thời kỳ 1993-1995 cao hơn thời kỳ 1988-1989.

Ở những nước phát triển

Ở những nước phát triển, các biện pháp xóa đói giảm nghèo thực chất là những sự giúp đỡ dành cho những người thua thiệt, nhằm để giúp họ hòa nhập vào cộng đồng. Người nghèo, với ý nghĩa nghèo tuyệt đối, chỉ chiếm từ 1% đến 2% dân số.

Việc hỗ trợ những người này không tốn kém, nhưng về góc độ nhân văn thì không dễ vì đây là những người có những tổn thương về thể lực hoặc tâm lý.

Ngược lại, số người thua thiệt lại chiếm từ 5 đến 20% dân số. Nhóm đông nhất là những người thất nghiệp. Trong trường hợp này, các chính sách hỗ trợ phải đảm bảo kết hợp một cách hài hòa những mục tiêu trái ngược nhau: bảo đảm cho người thất nghiệp, và có thể là cho cả gia đình của họ, có đủ thu nhập cả vì những lý do nhân văn cũng như kinh tế (khả năng lao động cũng như năng suất giảm đi nếu như những nhu cầu tối thiểu không được bảo đảm); khuyến khích tìm việc làm (không được làm việc sẽ làm giảm các khả năng này).

Mỗi nước sẽ ưu tiên cho mục đích này hoặc mục đích kia tùy theo hoàn cảnh thực tế của mình. Các nước Scandinavi có những khoản trợ cấp bằng từ 80% đến 100% lương tối thiểu, điều đó ít có tác dụng khuyến khích làm việc; nhưng những nước này lại có những chính sách tích cực trên thị trường lao động thông qua các hoạt động đào tạo ban đầu hoặc đào tạo lại, bằng công tác tư vấn tìm việc làm, việc làm có sự trợ giá, giảm chi phí xã hội. Ngược lại, Canada và Anh thì lại ưu tiên cho các chính sách khuyến khích. Trợ cấp chỉ bằng một phần nhỏ của lương tối thiểu (ở Canada thì chỉ bằng 20% mức lương trung bình của một công nhân). Nhưng Nhà nước lại dành cho người thất nghiệp những chương trình hỗ trợ về tái hội nhập nghề nghiệp, về loại hình lao động bán thời gian song song với việc duy trì một khoản trợ cấp, và cho nợ thuế.

Như vậy, tác giả kết luận, để có thể giải quyết được tình trạng đói nghèo, các quốc gia cần nhận thức rõ về thực trạng đói nghèo và các yếu tố gây ra nghèo đói của nước mình để từ đó hoạch định những chính sách cho phù hợp.

Nguồn: Christian MORRISSON. **Poverty in the world.**
Trong cuốn Ramses 2003 (Toàn cảnh thế giới 2003). Paris, 2003, 200 trang.

QUANG ANH lược thuật